

Số: 381/QĐ-UBND

Phúc Lương, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Phúc Lương trình Hội đồng nhân dân.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Đại Từ;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Phúc Lương trình HĐND xã quyết định (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phúc Lương, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường xóm trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tổng Văn Thiện



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.086.939.000	TỔNG SỐ CHI	5.086.939.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	40.700.000	I. Tiết kiệm chi	61.127.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	49.300.000	II. Chi thường xuyên	4.816.670.000
III. Thu bổ sung	4.881.797.000	III. Dự phòng	94.000.000
- Bổ sung cân đối	4.881.797.000	IV. Chi chuyển nguồn CCTL	115.142.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn CCTL	115.142.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.086.939.000	5.086.939.000	5.086.939.000	5.086.939.000		
I	Các khoản thu 100%	24.500.000	24.500.000	24.500.000	24.500.000		
	Lệ phí chứng thư	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		-				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-				
	Thu khác	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	65.500.000	65.500.000	65.500.000	65.500.000		
1	Các khoản thu phân chia	13.500.000	13.500.000	13.500.000	13.500.000		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.500.000	1.500.000				
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	52.000.000	52.000.000	52.000.000	52.000.000		
	Thuế GTGT	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000		
	Thuế TNDN từ CN bất động sản	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000		
	Thuế TNCN từ SXKD	1.300.000	1.300.000	1.300.000	1.300.000		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		-				
IV	Thu chuyển nguồn CCTL	115.142.000	115.142.000	115.142.000	115.142.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		-				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.881.797.000	4.881.797.000	4.881.797.000	4.881.797.000		
	- Thu bổ sung cân đối	4.881.797.000	4.881.797.000	4.881.797.000	4.881.797.000		
	- Thu bổ sung có mục tiêu		-		-		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2022					
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.086.939.000	0	5.086.939.000	5.086.939.000	0	5.086.939.000			
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	31.500.000		31.500.000			
5	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000	22.500.000		22.500.000			
6	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0		0			
7	Chi các hoạt động kinh tế thủy lợi, giao thông	31.500.000		31.500.000	31.500.000		31.500.000			
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.720.509.672		3.720.509.672	3.720.509.672		3.720.509.672			
9	Chi phụ cấp nhân viên y tế xóm	57.600.000		57.600.000	57.600.000		57.600.000			
10	Chi cho công tác xã hội	262.924.848		262.924.848	262.924.848		262.924.848			
11	Chi dân quân tự vệ, an ninh	690.135.480		690.135.480	690.135.480		690.135.480			
12	Chuyển nguồn CCTL	115.142.000		115.142.000	115.142.000		115.142.000			
13	Dự phòng ngân sách	94.000.000		94.000.000	94.000.000		94.000.000			
14	Tiết kiệm chi	61.127.000		61.127.000	61.127.000		61.127.000			

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		18.232.932.708	-	6.917.591.039	5.164.572.969	7.503.018.070	1.753.018.070	7.503.018.070	
I. Công trình chuyển tiếp		7.357.932.708	-	6.917.591.039	5.164.572.969	1.753.018.070	1.753.018.070	1.753.018.070	
Đường GTLX Na Khâm – Phúc Sơn – Hàm Rồng xã Phúc Lương. (GD2, 2019)	2019-2020	2.666.602.895		2.519.755.000	2.441.762.000	77.993.000	77.993.000	77.993.000	
Đường giao thông nền xóm Cỏ Rôm - Cay Hồng (đoạn dốc ông Kỳ đi trạm điện xóm Cỏ Rôm); Hạng mục: Mặt đường, rãnh dọc, lề đường	2020-2021	2.393.729.349		2.263.136.500	2.059.000.000	204.136.500	204.136.500	204.136.500	
Đường vào trường Tiểu học Phúc Lương (điểm đầu là đường Phúc Lương - Minh Tiến, điểm cuối là cổng trường Tiểu học)	2020	379.672.362		359.771.000	253.000.000	106.771.000	106.771.000	106.771.000	
Trụ sở UBND xã Phúc Lương; hạng mục: Nhà làm việc bộ phận một cửa và trả kết quả	2020-2021	770.861.041		694.117.000	250.000.000	444.117.000	444.117.000	444.117.000	
Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng Trụ sở UBND xã Phúc Lương	2020-2021	916.580.522		850.325.000	93.810.969	756.514.031	756.514.031	756.514.031	
Điều chỉnh quy hoạch chung xã Phúc Lương	2020-2022	230.486.539		230.486.539	67.000.000	163.486.539	163.486.539	163.486.539	
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh TN	2021-2022	1.164.615.000		850.000.000	100.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	
Đường giao thông liên xóm Cầu Tuất - Thành Long xã Phúc Lương, hạng mục: Nền, mặt đường, cống ngang, rãnh thoát nước	2021-2022	3.434.270.815		3.134.000.000	50.000.000	3.084.000.000	3.084.000.000	3.084.000.000	
Đường giao thông liên xóm Na Sơn – Nhất Tâm – Thành Long xã Phúc Lương, hạng mục: Mặt đường, cống ngang, rãnh dọc	2021-2022	4.515.250.893		4.015.000.000	649.924.800	3.365.075.200	3.365.075.200	3.365.075.200	

Xây dựng kênh mương xóm Cây Thông - Cầu Tuất xã Phúc Lương	2021-2022	1.196.852.843		500.000.000	50.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	
Xây dựng kênh mương xóm Phúc Tiến xã Phúc Lương	2021-2022	1.090.419.241		1.090.000.000	50.000.000	1.040.000.000	1.040.000.000	1.040.000.000	
2. Công trình khởi công mới		10.875.000.000	0	0	0	5.750.000.000	0	5.750.000.000	0
Xây mới sân thể thao xã Phúc Lương	2022-2023	9.000.000.000				5.000.000.000		5.000.000.000	
Xây mới 05 nhà văn hóa xóm sửa chữa 05 nhà văn hóa xóm	2022-2023	1.875.000.000				750.000.000		750.000.000	

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	(năm hiện hành)					
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	125.000.000	125.000.000	0	125.000.000	125.000.000	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	125.000.000	125.000.000	0	125.000.000	125.000.000	0
Quỹ nhân Đạo	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0
Quỹ trẻ thơ	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0
Quỹ Vì người nghèo	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0
Quỹ Phòng chống thiên tai	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	0					
+ Chợ						
+ Bến bãi						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi



THUYẾT MINH
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ PHÚC LƯƠNG NĂM 2022

(Trình hội đồng nhân dân)

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Đại Từ;

UBND xã Phúc Lương thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022 xã trình hội đồng nhân dân như sau:

I. Tổng dự toán thu ngân sách xã trên địa bàn: 5.086.939.000 đồng

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn xã: 90.000.000 đồng
2. Thu chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang: 115.142.000 đồng.
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.881.797.000 đồng

II. Tổng dự toán chi ngân sách xã: 5.086.939.000 đồng

1. Chi thường xuyên: 4.816.670.000 đồng
2. Tiết kiệm chi 10% để cải cách tiền lương: 61.127.000 đồng
3. Chi chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang: 115.142.000 đồng.
4. Dự phòng: 94.000.000 đồng.